

Tác Giả và Tác Phẩm

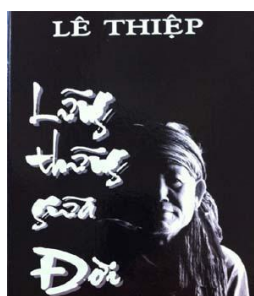
Lê Thiệp nhà báo (II)

Tiểu sử

Sinh năm 1944 tại Sơn Tây, Bắc Việt.

Tác phẩm

Lững thững giữa đời.



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Độc “Lững Thững Giữa Đời” của Lê Thiệp – Trùng Dương – 3

Báo Chính Luận và Lê Thiệp – 6

Độc Lê Thiệp, tháng mười.mười một.nhớ cũ – thơ Hoàng Xuân Sơn – 9

Tính chất nhà văn trong nhà báo Lê Thiệp - Du Tử Lê - 10

Lê Thiệp với Việt Tấn Xã – Lê Thụy – 16

Độc sánh trong nước về lịch sử báo chí... – Trùng Dương – 17

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Người viết Lê Thiệp tham gia sinh hoạt văn học nghệ thuật và báo chí từ giữa thập niên 60 tại Việt Nam cho đến tháng 4-1975. Và 1965 ông là phóng viên, biên tập viên của hai nhật báo Chính Luận và Sóng Thần xuất bản tại Sài Gòn.



Tranh Oger

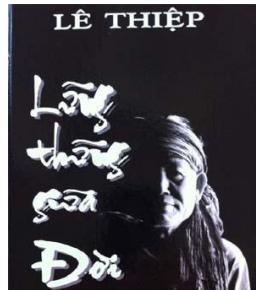
Từ 1975 đến 1978, như đại đa số người dân miền Nam, ông phải lao vào mọi ngõ ngách xã hội để tìm cách mưu sinh - từ buôn len, bán bún mọc, chạy xách túi buôn thuốc tây, môi giới đồ cổ..

Từ năm 1979, sau khi vượt biên qua Nhật rồi sau đó qua định cư tại Hoa Kỳ, ông tiếp tục làm đủ thứ nghề - Cán sự xã hội, thợ nhà in, công nhân siêu thị, bán thịt gà chiên, chùi rửa trường học và sau cùng là nghề bán phở.

Hiện ông sống cùng gia đình tại Vienna tại tiểu bang Virginia.

(...trích từ sách Tiếng Quê Hương)

Đọc “Lững Thững Giữa Đồi” của Lê Thiệp: Những nét phác thảo chân dung báo chí Việt Nam tự do



Trùng Dương

Nhìn cái tựa sách, ngấm bức hình người bạn đồng nghiệp cầm bút, đồng nơi sinh (Sơn Tây) và đồng tuổi (song thua tôi mấy tháng) chít cái khăn đầy vẻ giang hồ trên hình bìa, tôi không khỏi mỉm cười. Lững thững, theo vdict.com, là thông thả, ung dung, như trong “đi lững thững ở bờ sông,” và informatik.uni-leipzig.de cũng dùng cùng một định nghĩa.

Có thật bạn tôi lững thững? Những người thuộc thế hệ tôi là những người sinh ra vào lúc bắt đầu một cuộc chiến (chống Pháp và song song là những cuộc thanh toán tàn khốc người Quốc gia của Cộng sản); và, mặc dù chúng tôi có được mấy năm nếm mùi đại học vào đầu thập niên 1960 khi Miền Nam còn thanh bình, đã lớn lên vào lúc một cuộc chiến khác bắt đầu. Thế nên hình như thường xuyên mơ được... *lững thững, theo chân mây, vừa đi vừa ngược nhìn* lên những vì sao đặc trời, mong bắt gặp một cánh sao rụng(*) để ước nguyện một điều gì đó, có nhiều phần là hoà bình. Vì thêm thấy hoà bình, tôi suýt kẹt lại vào mùa xuân 1975, và bạn tôi cũng vì nó đã ở lại, nhưng không thấy nó, mà chỉ thấy hận thù và trả thù tàn bạo, nên đành khăn gói tìm đường ra đi. Giữa thập niên 1980, bạn và tôi một bữa cũng... lững thững ở San Francisco, không để đi dạo, mà đi... làm việc nước (hồi ấy với tờ Kháng Chiến của Mặt trận của ông Hoàng Cơ Minh); để rồi sau đó chia tay, tôi về đi học, và bạn đi sang miền đông... mở tiệm bán phở.

Tôi được bạn cho sách trong chuyến ghé Houston cuối tháng rồi, nhân một chuyến công tác với Hội Vietnamese American Heritage Foundation. Ba lần hẹn đều không gặp người, nhưng được sách. Na theo một mớ sách *giấy*, bìa cứng, dày trên 300 trang, mới in xong, còn thơm mùi mực, để tặng bạn bè, trong thời buổi “hành lý *không* được bay miễn phí” và... e-book (có phải tiện hơn không?), đã hẳn là quý không gì bằng. Và đã hẳn tôi phải na sách vượt mọi “cửa ải an ninh” tại phi trường mang về bằng mọi giá. Và đọc một mạch.

Sách do nhà Tiếng Quê Hương của Uyên Thao và thân hữu chủ trương tại Virginia xuất bản, gồm 23 bài vừa ký sự nhân vật, vừa tùy bút và truyện phóng sự, với phần lớn đề tài liên quan tới báo chí Miền Nam trước 1975 và một đôi bài về báo Việt hải ngoại. Ngoài ra, còn có phần phụ lục gồm bốn bài cũng về báo chí, đầy tính thông tin, do các nhà văn và ký giả của Miền Nam đóng góp, là Hoàng Hải Thủy (viết về nền tiểu thuyết đăng từng ngày trên nhật báo, gọi là feuilleton, một ảnh hưởng của báo chí Pháp và không có trên báo chí Mỹ); Tiến Sơn (viết về nghề phóng sự truyền thanh, đặc biệt là trực tiếp truyền thanh); Lê Phú Nhuận (về đời ký giả “nhà nước” từ phát thanh qua thông tấn xã, với các ký giả trẻ, thường là có tay nghề nhờ được huấn luyện, và họ vẫn được phép, tuy không chính thức, cộng tác với các báo tư nhân ở Miền Nam, một hợp tác độc đáo, một loại cộng sinh – symbiotic –, song cần thiết cho cả đôi bên chỉ

có ở Miền Nam trước 1975); và đặc biệt bài của Nguyễn Khanh (viết về báo chí Việt ngữ hải ngoại).

Tôi vốn “mang tiếng” là làm báo ở Sài Gòn trước 1975, qua vai trò chủ nhiệm tờ nhật báo Sóng Thần (1971-1975), một tờ báo thực ra là công của của nhiều người (xin xem phần trả lời phỏng vấn trên tạp chí *Hợp Lưu về nhật báo Sóng Thần*). Gốc văn học của tôi thực ra là bên văn chương. Vì lý tưởng dùng báo chí để trong sạch hóa xã hội Miền Nam khỏi tệ nạn tham nhũng, tuy chỉ bằng một góc của Việt Nam dưới chế độ Việt cộng bây giờ, tôi “xâm mình” nhảy vào báo chí. Trong thời gian với tờ Sóng Thần, đôi khi vì nhu cầu tôi cũng viết phóng sự lai rai, viết theo cảm quan không có một ý thức gì về kỹ thuật, như phóng sự về chương trình hốt xác các nạn nhân chiến cuộc bị tử nạn do pháo kích của Việt Cộng trên đường di tản khỏi Quảng Trị trên khúc Đại lộ Kinh hoàng năm 1972. Hoặc như có lần điều khiển một nhóm phóng viên phái nữ, gồm Triều Giang, Thục Viên, và Lê thị Bích Vân, không nhớ là còn ai khác, làm một loạt các phóng sự, trong đó có đề tài mà chỉ có phụ nữ mới có thể len lỏi vào, đó là kỹ nghệ phá thai lén lút hồi ấy ở Sài Gòn. Hoặc như một dịp khác đứng ra mời các cây bút phái nữ nổi tiếng hồi ấy là các chị Túy Hồng, Nguyễn thị Thụy Vũ viết hồi ký đăng từng ngày, với dự tính sẽ mời tiếp hai chị Nguyễn thị Hoàng và Nhã Ca kế, là bốn cây bút viết tiểu thuyết nổi tiếng hồi ấy ở Miền Nam. Tôi hoàn toàn không có một ý niệm gì về báo chí, và, như nhiều nhà báo của Miền Nam hồi ấy, chỉ được nghề dậy nghề, khác với một lớp ký giả trẻ được huấn luyện hẳn hoi với kỹ thuật báo chí Mỹ vào cuối thập niên 1960 và đặc biệt vào đầu thập niên 1970 với sự hình thành của một số phân khoa đại học báo chí như Vạn Hạnh và Minh Đức.

Vì gốc gác là từ “tháp ngà văn chương,” tôi ít trà trộn và do đấy không biết nhiều về các sinh hoạt hậu trường của làng báo Miền Nam dạo ấy. Đọc “Lững thững giữa Đồi” và đặc biệt các bài trong phần Phụ Lục, tôi như được “mở mắt” về cái thế giới mà sau này, khi cấp sách đi học lại ở tuổi ngoài bốn mươi, vì thích và tiện, tôi đã chọn lại để “học cho xong một cái”, đó là ngành báo chí và chính quyền (Government – Journalism, một chừng chỉ đôi — double major — chỉ có ở Đại học Tiểu bang California ở Sacramento). Vì sinh hoạt trong giới báo chí Mỹ và chỉ thỉnh thoảng viếng thăm và viết bài cho báo Việt ngữ, tôi cũng ít có dịp biết nhiều chuyện hậu trường của làng báo Việt ngữ hải ngoại, như qua hai bài “Người Nữ Đàng Sau” (trang 33) về chị Lã Phương Loan, người bạn đời của cố ký giả Đỗ Ngọc Yến, người sáng lập ra nhật báo Người Việt nhiều tuổi và vững vàng nhất hiện nay của làng báo Việt ngữ hải ngoại, do Lê Thiệp viết; và bài Phụ lục “Nói chuyện làm báo hải ngoại” (trang 320) của Nguyễn Văn Khanh, hiện điều khiển chương trình Việt ngữ của đài Á châu Tự do (Radio Free Asia) và là một nhà bình luận tin tức liên quan đến chính trị Mỹ bằng tiếng Việt khá sắc bén trên các đài truyền hình Việt ngữ.

Nếu cuốn “Văn học Miền Nam Tổng Quan” của nhà văn Võ Phiến (1986) cho chúng ta cái nhìn tổng quát về các sinh hoạt của giới cầm bút cả bên văn chương lẫn báo chí, thì những bài trong “Lững thững giữa Đồi” cho người đọc cái nhìn khá chi tiết riêng về nền báo chí của Miền Nam, đặc biệt vào thời Đệ nhị Cộng hoà (1963-1975), bên cạnh sinh hoạt của báo chí Việt tự do tại hải ngoại. Người đọc đôi khi ước phải chi cuốn sách không chỉ là những bài viết ngắn, nhiều khi có tính cách tạp ghi, tùy bút, mà là một biên khảo có lớp lang và căn bản hơn, như cuốn “Tổng Quan” của Võ Phiến. Nhưng điều ước ấy cũng không kéo dài, vì chính những bài viết có tính cách hồi ký ấy, thực ra, tự nó có cái duyên ngầm lôi cuốn và khiến ta dễ nhớ các chi tiết, cũng như lối hành văn kể cả kể chuyện rất bình dân của tác giả “Tổng Quan” làm dễ ... tiêu hoá, nhập tâm, khiến người đọc như đang được nghe kể chuyện, hơn là đang đọc sách nghe nghiêm trang quá. Cũng vậy là lối viết mà tôi gọi là phơi phới, đọc rất thú, của Lê Thiệp.

Vào một buổi sáng một ngày nào đó không biết – Lê Thiệp có tật (hay chủ ý, cho sát với trò chơi... lững thững?) không ghi ngày tháng vào bên dưới mỗi bài viết, và nhiều khi cả trong bài, nên người đọc mặc sức tự định lấy thời điểm của một câu chuyện kể — tác giả đi xin việc ở toà

báo Chính Luận, trong bài ký sự nhân vật về “Nhà Báo Nông Dân” (trang 159) về ông chủ bút Thái Lâm của nhật báo Chính Luận. Được giao cho một bài dịch thử, dịch xong, “đưa, ông (Thái Lâm) không hề liếc mắt, cầm bản dịch đó bỏ vào ngăn kéo, bảo: ‘Mai ông đến nhá.’” Mãi hai tuần sau tác giả “Lững thững” mới trở lại để xem tình hình ra sao, thì được hỏi: “Thế ông đi đâu mà hôm nay mới ghé? Ngày mai đi làm được không?” Và làng báo Sài Gòn có thêm ông ký giả Lê Thiệp tay ngang vào nghề và được nghề dạy nghề.

Từ đó, Lê Thiệp lăn lộn với nghề báo, trong khi quan sát và ghi nhận những chuyện hậu trường của làng báo Miền Nam. Từ cái chung chung, như trong “Làng Báo Sài Gòn Thiếu Chân Chạy” (trang 51), tức phóng viên chạy ngoài, phần lớn vì hồi ấy thiếu người có huấn luyện nghề báo hẳn hoi; đến những nguồn tin mà các báo khai khai thác ngoài tin do phóng viên đem về, như trong “Từ Văn Đô đến Viễn Ân” (trang 65), viết về các hãng hay cá nhân thu nhật và bán tin cho các báo; rồi “Chuyện Cổ Tích Typo” (trang 99) mô tả khá linh động về những người thợ âm thầm nhưng vô cùng cần thiết của một toà báo, đó là các tay thợ sắp chữ, phần lớn còn vị thành niên.

Hai bài trong loạt ký sự về sinh hoạt của báo chí Miền Nam mà tôi đặc biệt thích, đó là “Một Thời Việt Nam Ký Sự” (trang 86) về một nhóm ký giả trẻ nhẩy ra lập hãng viết và phân phối ký sự (features syndicate) lần đầu tiên có ở Việt Nam, đầy nhiệt huyết đam mê của tuổi trẻ yêu nghề báo. Và một bài loại tùy bút mà tôi cho là có duyên nhất, “Con Chữ” (trang 106), viết về ngôn ngữ lóng của Miền Nam thời ấy, dùng chính những tiếng lóng lồng vào câu chuyện kể.

Xen kẽ những ký sự sinh hoạt trên là một số ký nhân vật, như “Người Nữ Đàng Sau” (đã nói sơ ở trên) về chị Lã Phương Loan, tức phu nhân cố nhà báo Đỗ Ngọc Yến, và lồng vào đó là chân dung của chính Đỗ Ngọc Yến. Đây là một bài viết rất khéo, khiến người đọc như đang nhìn một chân dung loại (tôi không biết phải gọi là gì) khi ta nghiêng hình sang bên này thì là hình ảnh một người, nhưng hơi chếch sang bên kia thì lại hoá ra người kia. Ngoài ra, còn có chân dung của ông “Nhà Báo Nông Dân” Thái Lâm; và của người đã thay đổi, nếu không nói là cách mạng hoá cung cách sẵn và làm tin bằng việc áp dụng kỹ thuật báo chí Hoa Kỳ, và đã giúp xây dựng một thể hệ phóng viên trẻ có căn bản huấn luyện và làm việc hữu hiệu, đó là bài ký sự nhân vật “Nguyễn Ngọc Linh, Cuộc Đời Nhìn Lại” (trang 191).

Bên cạnh đó là các ký sự về một số bạn đồng nghiệp của tác giả nữa, người nào người nấy cũng được Lê Thiệp nhìn bằng cái nhìn bao dung, đôn hậu. Tôi có cảm tưởng có lẽ cái gì làm Lê Thiệp thù ghét chắc không có cách gì Thiệp thấy hứng thú vẽ lại được. Điều này nói lên điều tôi vẫn chiêm nghiệm lâu nay: phải có sự thông cảm (compassion) đối với nhân vật hay đề tài mới viết hay và cảm được người đọc. Ở Lê Thiệp, đôi khi cái sự cảm thông ấy lại hình như... đi hơi quá, khiến bài viết mà nhân vật chính xưng tôi, như trong cuốn “truyện hồi ký” “Đỗ Lệnh Dũng” (Tiếng Quê Hương, 2009) cho thấy y chang giọng lười... cậu Thiệp, mặc dù là chuyện đời của ông Đỗ Lệnh Dũng, song rất chính xác, vì chính tôi cũng đã có dịp phỏng vấn ông Dũng cho chương trình 500 Lịch sử Truyền khẩu khi hội Vietnamese American Heritage Foundation đến công tác tại Virginia mùa hè năm ngoái.

Cũng là ký sự nhân vật, nhưng không phải là nhân vật làng báo, Lê Thiệp còn cho bạn đọc gặp gỡ với một ông sư uyên thâm phóng khoáng nguyên là một anh lính Biệt Động Quân xưa, qua “Tâm Kinh” (trang 207); một ông sư khác cũng uyên thâm phóng khoáng không kém và là lãnh đạo tinh thần của đám thuyền nhân Việt tạm trú tại Nhật vào cuối thập niên 1970, qua “Nhớ Sư Ông Trí Hiền” (trang 220); cùng một số nhân vật khác, kể cả một nhân vật lịch sử Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư mà tác giả vẽ lại dựa vào tra cứu, qua bài “Bán Than” (trang 235). Lại cũng xen kẽ là vài bài đọc nửa như truyện ngắn nửa như ký sự (một thứ phóng sự tiểu thuyết?), như “Mưa ở Mộc Hoá” (trang 114), “Trăng Đại Nội” (trang 122), Ngã Tư Xoài Đồi (trang 131), và “Tù Binh” (137).

Tóm lại, tập sách rất đáng đọc, qua lối viết nhẹ nhàng, đôi khi bông chọc, với những chi tiết hiếm có về làng báo Miền Nam mà ít người biết hoặc còn nhớ được, cũng như một số thông tin giá trị về làng báo Việt hải ngoại. Chỉ tiếc — hay tại tôi méo mó nghề copy editing và, sau này, nghề làm thư viện? — phần nhuận sắc/hiệu đính không được chăm sóc kỹ lắm, như nhiều chỗ dấu chấm rơi đi đâu mất, hoặc từ phần kể chuyện (narrative) qua đối thoại (trong ngoặc kép) mà không có dấu hai chấm. Hoặc, tôi không thấy cần thiết việc in nghiêng (italic) những đối thoại trong ngoặc kép, làm hơi xốn con mắt; và những sơ xuất typo lật vệt khác. Ngoài ra, giá tác giả cho biết thời điểm của bài viết thì càng quý hơn cho những người muốn xử dùng một số bài như tài liệu cho một cuốn sử về báo chí Miền Nam.

Tôi biết, khi đọc tới đây, cậu Thiệp chắc lại nheo mắt cười, và kêu toáng lên: “Thứ ấy, bà ơi, nhầm nhò gì!”/

Sách đề giá 20 Mỹ kim, đặt mua tại nhà xuất bản Tiếng Quê Hương, P.O. Box 4653, Falls Church, VA 22044. E-mail: uyenthao@yahoo.com. (TD, 11/2011)

Báo Chính Luận

Chính Luận 1-5-65

Tiếp tục cuộc du thuyết giúp Việt Nam
Đặc Sứ Cabot Lodge rời Sài Gòn



SAIGON.- Ông Henry Cabot Lodge, đặc sứ của Tổng Thống Johnson đã cùng phu nhân rời Saigon trưa nay, sau hai ngày thăm viếng Việt Nam.

Chuyến phi cơ đặc biệt của cựu Đại Sứ Lodge rời Tân Sơn Nhất vào hồi 12 giờ 30. Nhiều nhân vật Việt Nam và ngoại quốc đã ra phi trường tiễn đưa, trong số người ta thấy có cả Bác Sĩ Trần Văn Đỗ, phó thủ tướng kiêm tổng trưởng ngoại giao.

Ngoài ra, người ta còn thấy có phu nhân Thủ Tướng Phan Huy Quát cũng ra tận phi trường tiễn đưa bà Cabot Lodge với tư cách riêng.

Trong buổi chiều hôm qua, cựu Đại Sứ Lodge đã hội đàm với Bác Sĩ Phan Huy Quát một tiếng đồng hồ tại thủ tướng phủ.

Sau đó vào buổi tối, ông đã cùng phu nhân dự bữa tiệc do thủ tướng chính phủ Việt Nam và bà Phan Huy Quát khoản đãi.

Theo chương trình dự định, sau khi rời Việt Nam, ông Cabot Lodge sẽ ghé qua Âu Châu để thăm viếng Ý Đại Lợi trước khi trở về Hoa Kỳ.

Một chuyện tình bi đát

TÂY NINH.- Đêm 27-4, một vụ quyền sinh vì tình rất bi đát đã xảy ra tại xã Lộc Giang quận Trảng Bàng (Tây Ninh). Nạn nhân là cô Hà Thị B. (21 tuổi), trước đây 2 năm có yêu cậu Nguyễn Văn Tr. (24 tuổi, thợ bạc). Nhưng vì song thân cô B. chê gia đình cậu Tr. không xứng sui gia nên Tr. bỏ đi. Trước khi đi, Tr. hẹn người yêu róng chờ trong hai năm để y lo làm ăn kiếm tiền rồi trở về cưới. Cách đây 6 tháng sau, Tr. về tìm gặp cô B. và cho cô này biết là đã kiếm được việc làm ở Sài Gòn và từ đó cứ vài tuần Tr. lại về thăm người yêu. Khoảng trung tuần tháng 3 vừa qua cha mẹ cô B. bỗng hứa gã cô B. cho một chủ vườn tại Vàm Tràm. Cô B. van xin cho cô chờ Tr. và nếu Tr. không cưới thì cô xin vâng lời. Nhưng dùng một cái, cô B. bỗng được tin chính quyền vừa bắt được một đảng cướp “Sông Xanh” chuyên đánh cướp ghe thuyền qua lại trên sông Vàm Cỏ Đông, mà Tr. lại là phó đảng. Quá tuyệt vọng, cô B. khóc suốt mướt và đêm 27-4, cô B. uống thuốc độc và còn đốt luôn cả mái tóc thề tự tử.

Nỗi cơn ghen, chém chồng suýt bay “của quý”

TÂY NINH.- Một vụ ghen tương chém chồng suýt vong mạng vừa xảy ra tại tỉnh lỵ Tây Ninh, hôm 27-4- vừa qua. Theo người hiểu chuyện cho biết: Ông Huỳnh Văn Ngh. (33t) ở đường Huỳnh Văn Lợi, Tây Ninh, có người vợ kế tên là Lưu Bích Th (30t). Nhưng gần đây, ông Ngh. lại lén lút tư tình với một người đàn bà khác. Nội vụ thấu tai bà Th. và chiều ngày nói trên, bà Th. nổi cơn ghen vác củi đập chồng túi bụi. Ông Nguyễn Văn N. (người lối xóm) và bà Lưu Thị M. (bà con với bà Th.) chạy sang can thiệp, thì kẻ bị bà Th. đánh, người thì bị bà vu cáo là cướp chồng nên đều rút lui. Chưa đã cơn ghen, bà Th. còn xách dao đâm chồng nhiều nhát gần đứt “của quý”. Lúc đó bà con lối xóm đổ xô ra can thiệp và chở ông Ngh. vào nhà thương.

Chính Luận 1-5-66

Lễ bế giảng khóa tu nghiệp Vô Tuyến Truyền Thanh Nâng kỹ thuật phát thanh lên tầm mức quốc tế

SAIGON.- Sáng qua lễ bế giảng khóa tu nghiệp Vô Tuyến Truyền Thanh đã được tổ chức rất trọng thể tại hội trường của Đài Phát Thanh Saigon với sự tham dự đông đủ của các quan khách trong cả ngoài nước. Sau ba tháng học tập 120 học viên đều trúng tuyển. Họ vốn là những nhân viên của đài Saigon và các đài địa phương, đã ở lâu năm trong nghề. Công cuộc huấn luyện này chỉ trau dồi thêm cho họ những kiến thức mới, cũng như những kinh nghiệm để nâng cao trình độ kỹ thuật của họ lên tầm mức quốc tế.

Có tất cả 3 môn học chính: biên tập, đạo diễn và kỹ thuật. Cơ quan Juspao đã phối hợp với các huấn luyện viên của đài VOA từ Mỹ qua, để phụ trách công việc giảng dạy. Ông Michael D'Angelo và ông Nguyễn Hữu Ái huấn luyện về phần biên tập, ông Stefan Makaymuk và ông Đinh Văn Bàn, phần đạo diễn và sản xuất, còn ông Bob Eiden phần kỹ thuật.

Đây là khóa tu nghiệp đầu tiên kể từ khi ông Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh giữ độc quyền về phát thanh cho chính phủ và chấm dứt tiếng nói của 2 đài: Pháp Á và Con Nhạn, lúc đương thời.

Nhưng có một điều mà không ai có thể phủ nhận được là, từ đêm sáu tháng nay, đài Saigon đã giảm đi được rất nhiều cái tính chất chính quyền, để làm nhiệm vụ thông tin một cách tương đối vô tư và nhanh chóng, xác thực.

Khóa tu nghiệp này còn mang lại cho các học viên một cái cách mới trong vấn đề viết tin và loan tin, đập theo đúng tiêu chuẩn quốc tế của ngành Vô Tuyến Truyền Thanh.

Mặt khác, nếu trong các "émission" nhạc, hoặc bình luận hay sưu tầm, mà có một biến cố gì xảy ra như tin Từ Chung hay Chu Tử bị ám sát, thì trong phương pháp làm việc mới, người ta lập tức cho ngưng ngay các émission ấy, để loan tin về cái biến cố đó.

Ba điều cần thiết để cho ngành phát thanh có thể đạt được tới mức tốt đẹp thì hiện nay Đài Saigon đã có 2: tổ chức tốt, nhân viên luôn luôn được dự những khóa tu nghiệp, chỉ còn vấn đề tự trị.

Sắc lệnh để cho Đài Saigon được hưởng qui chế tự trị thì UBHPTU đã ký rồi, nhưng các thủ tục về hành chánh nặng nề và phiền toái của nước Việt Nam khiến cho bên Ngân Sách vẫn chưa chịu chấp hành một cách kịp thời và mau lẹ.



(*)

*Báo Chính Luận và BS Đặng Văn Sung:
Xem Một Tấm Lòng Sơn Với Nước Non
Trong Chân Ướt Chân Ráo của Lê Thiệp.*

Đọc Lê Thiệp, tháng mười. mười một. nhớ cũ Thơ Hoàng Xuân Sơn



Nhà văn Lê Thiệp
Tranh Đinh Cường

Đọc lê thiệp, tháng mười. mười một

lững thững lững thững giữa đời
chậm rãi. cứ thế mà vui
ồ! không có gì gấp gáp
đứng, đi. cũng giấc ngủ vùi

chiếc cầu sương tan
tạ mềm vai đá
vịn cuộc đời
lững thững
bình minh thơm
cỏ và mắt
và tóc phù vân
dịu dịu ánh chiều

*[những chai lọ trong căn nhà bỏ ngỏ nguyệt huỳnh
cà phê đắng bao thầu câu lạc bộ
cứ báo bỏ cho đời linh thiêng
có phải đêm qua con ngựa đê trúng số
đếm bằng hữu ra riêng]*

kẽm gai mù mắt
đạn pháo rền bịt tai
kiệm lời
lững thững

lững thững trường sơn
lần về thạch hãn
có một dòng sông
dụi đầu hương núi
sàigòn mờ hôi nồng
lững thững đầu trưa
bước chào xế bóng
nghe bông mười giờ
lung linh lung linh
sóng

nhớ cũ

*gõ mái khuôn thơ vào âm vận
hồn chữ dôi ra. đứng một mình*
con chó đá ngồi ngáp vặt
tường thẫm rêu màu cư tang
một kẻ hàm oan trên phố
kết tội thu sơ lá vàng
băng chuyển lên skyline. hứng
sương cao bỗ báng lưng còng
mũ thiên thời che tai tượng
táp mặt mưa dài gọt cong
buồn treo tinh tượng âm lũy
ngọt tuyến đi xoay bản đời
cầu qua tuổi chùn sắt lạnh
sông nước khắc trầm bến vui
thê thiết bầm đau ngón vĩ
hơ hồng bàn tay run nhan
khói vờng vất mờ tấm quạnh
đốt vội tâm dung cũ càng

6-09

Tính chất nhà văn trong nhà báo Lê Thiệp

Du Tử Lê

Lê Thiệp là thế hệ phóng viên báo chí đầu tiên của miền Nam , được đào luyện một cách chính quy, tính tới tháng 4 năm 1975.

Cùng với những tên tuổi như Ngô Đình Vận, Dương Phục, Lê Phú Nhuận, Vũ Ánh... ông tốt nghiệp khóa 1 báo chí do cơ quan Việt Tấn Xã, Saigon , tổ chức.

Tôi không biết có phải vì đôi lần tình cờ gặp ông trong một vài cuộc họp báo họa hiêm tôi phải tham dự, hình ảnh một Lê Thiệp với bộ dạng bên ngoài khá khác lạ, cho tôi cảm nhận đó là người nhiều cá tính mạnh mẽ mà nổi bật nhất, rõ nét hơn cả trong tôi là, tính bất cần đời của người phóng viên trẻ tuổi này.

Tôi cũng không biết có phải vì những ký sự hay phóng sự của ông, thường cho tôi nhiều điều khác hơn căn bản của một bài ký sự, phóng sự là nhân vật, sự kiện và con số...

Tôi luôn bắt gặp nơi những bài viết của ông một điều gì, rất gần với căn bản một sáng tác văn chương như, chữ nghĩa, hình ảnh, tư tưởng...

Với thời gian, khi ông cầm bút lại, nhiều năm sau biến cố tháng 4, 1975, với tập bút ký nhan đề “Chân Ướt Chân Ráo” (CƯCR) do Tủ sách Tiếng Quê Hương của Uyên Thao, ở Virginia, xuất bản năm 2003, tôi mới có dịp nhìn rõ hơn, thấy rõ hơn tính chất nhà văn, nơi con người nhà báo này.

Ở đây, tôi không muốn nói tới vốn sống ngôn ngôn rói tươi của ông. Tôi cũng không muốn nhắc tới cái kiến thức sâu rộng của ông về nhiều phương diện, từ văn học tới chính trị, lịch sử, xã hội... Tôi chỉ muốn nói tới khía cạnh văn chương như những nhát dao dứt khoát, sắc sảo trên một khối gỗ xù xì để hình thành chân dung một nhân vật, một sự kiện.

Diễn hình như khi viết về cha xứ Nguyễn Thành Long ở vùng Hoa Thịnh Đốn, mở đầu bài “Giấc Mơ Việt Nam ,” ông viết:

“Ông cha xứ viên điều thuốc đặt vào nõ chiếc điều cổ, ngón tay cái hơi miết nhấn những sợi thuốc nâu sậm xuống và châm lửa. Ông rít một hơi ròn tan, dụi bỏ que diêm, rồi thở ra rất chậm rãi. Khói thuốc lòa đậm xanh, như quánh lại không tan nổi trong cái không khí oi bức của một buổi chiều mùa hạ.

“Ông ngồi đó dưới gốc cây mơ màng nhìn xuyên qua làn khói. Những thanh sắt làm khung treo trọi, những mảnh tường chưa dựng kín, những chiếc mái cong vút vẫn còn phải có cái chống, cái kê nhưng ông biết chắc giấc mơ mà ông gọi là Giấc Mơ Việt Nam của ông nay đã thành.” (CƯCR, trang 214)

Khi viết về họa sĩ Ngọc Dũng, một người ông quý trọng, cũng là người anh kết nghĩa của mình, ông viết:

“Gần anh, nhìn tranh anh, dần dần tôi hiểu cái mềm mại của tranh anh, cái quyến rũ của tranh anh bắt đầu từ cái đẹp không lý luận, cái giản dị của chính sự việc, đề tài. Nó gần gũi với tôi, với những gì quanh tôi, nó nhập vào tôi lúc nào không biết. Bức tranh vẽ cô gái gầy guộc ngồi trên ghế nhìn vào khoảng không bỗng lúc nào trở thành một cái gì không thể thiếu trong sinh hoạt hàng ngày. Một lần tôi đẹp tranh để treo một bức trừu tượng vào thay. Có cái gì bứt rứt khó chịu vào những lần đi qua mảnh tường. Tôi bèn úp bức trừu tượng lại, treo cô gái lên. Cô bé bỗng như cười và tôi có cảm giác mình có thêm một đứa con trong nhà, lúc nào cũng ngồi đó im lặng, nhưng sự hiện diện thì tràn đầy trong tôi.” (Ngọc Dũng, Giọt Nước Hân Hoan, CƯCR, trang 211)

Hoặc khi viết về một loại trái cây rất tầm thường đến độ ít ai để ý là trái ổi, trong bài “Những Quả Ổi Cuối Mùa,” ông viết:

“Tôi cắn vào trái ổi, cắn một cách từ tốn chậm rãi, gặm phần vỏ nhai thật kỹ. Nó hơi đắng chát, cái đắng chát dịu dàng. Tôi ăn đến phần cùi. Giòn, sần sật, nước ngọt ứa ra thấm vào tận chân răng. Tôi nhai phần ruột có hạt. Hạt ổi to nhưng không cứng lắm, nhai vỡ ra kẹt vào kẽ răng. Tôi vừa đi vừa hít hà để những hạt ổi bong ra.” (CƯCR, trang 121-122.)

Tôi không nghĩ người đọc chờ đợi hay, đòi hỏi nơi người viết ký sự, phóng sự những đoạn văn như tôi vừa trích dẫn.

Với tôi, đó là những đoạn văn đượm, tươm chất tùy bút.

Tôi thấy như mình người được mùi thơm của trái ổi, cảm được vị chát của vỏ ổi hoặc, độ ngọt của những chiếc răng gặm vào phần ruột ổi.

Tôi thấy như mình đang đứng trước bức tranh cô gái gầy guộc, ngồi trên ghế, hướng về khoảng không phía trước, với tất cả cảm nhận lẻ loi của cô, trong đăm đăm dõi theo một mơ mộng bỗng bênh, chưa hẳn rõ chân dung một tình yêu hay, khát khao một bờ vai, một cánh tay ai đó, nơi tranh Ngọc Dũng, qua mô tả của Lê Thiệp.

Tôi cũng thấy như mình người được mùi thuốc lòa, nghe được tiếng réo sôi hân hoan của niềm vui, hòa lẫn nỗi buồn của những sợi thuốc cháy nhanh, nơi chiếc điều cây lên nước thời gian, nhiều dặm xa xôi quê nhà, của cha Nguyễn Thành Long...

Rải rác đâu đó, trong bút ký của Lê Thiệp, nhiều giải lụa tùy bút, như thế. Nhất là những bút ký nhân vật của ông.

Với giọng văn kể chuyện từ tốn, chậm chạp, đôi lúc gầy gổ, gấp gáp một cách bất ngờ. Trước đây, tôi những tưởng Lê Thiệp với nguyên gốc phóng viên, ông sẽ thích hợp với những bút ký về con người, xã hội hay thời cuộc.

Nhưng càng đọc ông, tôi mới thấy, cõi giới văn xuôi Lê Thiệp còn vượn xa hơn mấy phạm trù vừa kể.

Ông viết về tuổi thơ, kỷ niệm và, ngay cả lãnh vực thi ca cũng dễ dàng, thấu đáo với nhiều “nhân vật, dữ kiện, con số” như khi ông viết tin hay, phóng sự vậy.

Vẫn trong tác phẩm nêu trên, tôi rất thích bút ký nhan đề “*Sư Triệt Học lận đận nơi nao?*”

Không cần phải đọc hết bút ký này, đọc giả cũng đã nhận ra hai chữ “lận đận” mà tác giả dùng trong nhan đề của mình, vốn trích từ câu thơ “*cùng một lúa bên trời lận đận*” của Phan Huy Vịnh, dịch từ nguyên tác Bạch Cư Dị.

Bỏ qua một bên sự gặp lại người bạn học cũ, trong nhân thân mới, nhân thân của một nhà sư - Nhà sư Triệt Học (thê danh Trần Đức Giang,) với tất cả tâm trọng, kỳ thú, như một đoản văn tả các trích tiên gặp nhau; khi nói về bài thơ “*Tỳ Bà Hành,*” ông viết:

“*Phải chờ cho đến khi Phan Huy Vịnh dịch thì mới có thơ:*

Bến tâm Dương canh khuya đưa khách

Quạnh hơi thu lau lách đều hiu

Chủ xuống ngựa, khách dừng chèo

Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti.

“*Bạch Cư Dị sáng tác khỏe với 3487 bài thơ. Ông tự sắp thơ của mình thành 4 loại chính:*

Phúng Dụ, Nhàn Thích, Cảm Thương và Tạp Luận.

“*Gần bốn ngàn bài trong đó ông tự hào nhất là loại Phúng Dụ, nhưng hình như mọi người Việt chỉ nhớ Tỳ Bà Hành. Chính nhờ Phan Huy Vịnh.*

“*Bài thơ thất ngôn cổ phong 88 câu này được làm khi Bạch Cư Dị bị biếm trích khỏi Trảng An đến nhậm chức Tư Mã ở quận lý hẻo lánh Giang Châu. Trong buổi tiễn tiễn sư Mãn Thương Nhân ở bến sông Bồn, hai người đã gặp một kỹ nữ về già. Tỳ Bà Hành thuật lại cuộc gặp gỡ này và bài thơ trở thành bất hủ...”*

Nhưng Lê Thiệp không quy kết, không trói buộc bài viết của ông trong những “nhân vật, dữ kiện, con số” mà, ông đẩy ngòi bút, cảm hứng của mình tới những đỉnh cao, những vực sâu khác.

Những đỉnh cao, những vực sâu làm thành bởi những trận “địa chấn” mà bài thơ của Bạch Cư Dị, đúng hơn, bản dịch của Phan Huy Vịnh (như một bài thơ khác, nếu tôi được phép nói như vậy) làm thành.

Tôi muốn nói, sự bước khỏi khuôn-thành-ký- sự, để đi vào lãnh giới “*tư tưởng,*” một trong ba thành tố căn bản của văn chương.

Lê Thiệp viết:

“*...Nhưng sức truyền bá của bài Tỳ Bà Hành thì thấm từ nhiều thế hệ nho gia đến tận Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương...*

“*Sau Chu Mạnh Trinh đọc Kiều mà ‘giọt lệ Tầm Dương chan chứa’ đến Vũ Hoàng Chương:*

Tình nhân thế chưa cay người lịch duyệt

Niềm giang hồ tan tác lệ Giang Châu

“*Và Xuân Diệu thì:*

Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt

.....

Xao xác tiếng gà. Trắng ngà lạnh buốt

Mắt run mờ kỹ nữ thấy sông trôi.

Hoặc chỗ khác:

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận

Trắng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.(...)

“Tôi ngồi đọc lại một lần nữa. Tờ photocopy lâu ngày đổi màu, nay cũng đã cứng hơn, nham nháp nơi tay.

“Hà tất tăng tương thức? Lọ sẵn quen nhau?”

“Bạch Cư Dị và người kỹ nữ đâu có quen biết nhau trước. Họ vẫn là tri âm và chính vì mối tri âm mà có Tỳ Bà Hành:

Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân

Tương phùng hà tất tăng tương thức

.....

Cùng một lúa bên trời lặn đặng

Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau

“Thì ra thế. Cùng một lúa.

“Quan Tư Mã, đại thi hào, kỹ nữ, vợ anh lái trà, có gì khác đâu? Cái giai cấp, cái phân biệt đã xóa nhòa để có Tỳ Bà Hành.

“Phải chăng chỉ chính vì cùng một lúa bên trời lặn đặng, sư Triệt Học đã đưa tôi bài thơ này trong chiếc ga xép khi chia tay ở Fukuoka ?”

Tuy nhiên, người đọc cũng bắt gặp rất nhiều những từ ngữ, những chữ nghĩa bỏ bả, rất ấn tượng làm bật lên cảnh tượng sinh hoạt của một giai đoạn xã hội nào đấy. Chính những ngữ cảnh đầy tính chất phóng sự, ký sự này, phần nào cũng đã làm thành nét riêng trong văn xuôi Lê Thiệp.

Tôi thấy, một nhà văn chuyển qua viết ký sự, phóng sự, thường dễ dàng trở thành một phóng viên tầm cỡ. Ngược lại, nó sẽ khó khăn hơn cho một phóng viên chuyển qua viết văn, trở thành một nhà văn tên tuổi.

Như ghi nhận riêng của tôi thì, chúng ta không có nhiều ký giả khi chuyển qua viết văn, đã trở thành những nhà văn nổi tiếng.

Vấn theo ghi nhận riêng của tôi thì, nhà báo Lê Thiệp nằm trong số không nhiều đó.

Tôi không biết có phải những đòi hỏi căn bản của một phóng viên là dựa trên những dữ kiện cụ thể, chính xác, nghĩa là họ phải loại bỏ hẳn trong phóng sự, ký sự của họ những gì thuộc về lãnh vực tưởng tượng mà gần đây, nhiều người người quen dùng hai chữ “hư cấu” để minh thị sự khác biệt quyết liệt giữa tưởng tượng và hiện thực, tựa như giữa trắng và đen, giữa sáng và tối vậy.

Một giải thích khác, theo tôi, cũng nên ghi nhận. Đó là, bẩm sinh tâm hồn, các giác quan của một nhà văn có thể có nhiều khác biệt với thói quen hay, tập quán của một nhà báo?

Nhưng dù với lý giải nào, tôi vẫn thấy: Nếu lãnh vực báo chí, truyền thông, có định luật căn bản, như định luật 5 chữ “W” và, 1 chữ “H” (1) - Thì, ở lãnh vực văn chương nhà văn cũng bị chi phối bởi một số định luật tối thiểu.

Nếu không, nhà văn chỉ là Người Kể Chuyện.

Là người có đôi chút hiểu biết ở lãnh vực văn chương, tôi cho rằng, ba đòi hỏi căn bản cho một nhà văn (dùng chung cho cả nhà thơ), là khả năng So Sánh, Liên và, Nhân Cách Hóa. Đó là những chìa khóa căn bản của nghệ thuật mô tả, diễn đạt tư tưởng.

Từ đó hay vì thế mà nhà văn này khác nhà văn kia. Thi sĩ này không giống thi sĩ nọ. Đồng thời, cũng từ đó, người đọc có thể lượng tài năng một nhà văn.

Tôi nghĩ, dường như nhà báo Lê Thiệp, không chủ tâm làm văn chương. Chí ít cũng qua những tác phẩm ông đã xuất bản, như “Chân ướt chân ráo” (2003), “Đỗ Lệnh Dũng” (2008)...

Nhưng vô tình hay thói quen, ông đã cho thấy khả năng áp dụng ba đòi hỏi vừa kể, một cách khá nhuần nhuyễn.

Căn cứ vào tác phẩm mới nhất của Lê Thiệp, cuốn “Đỗ Lệnh Dũng” (ĐLD) kể chuyện về hành trình đầy kịch tính trong 20 năm chiến tranh miền Nam, của bạn ông, Lê Thiệp đã cho tôi nhiều đoạn văn bắt ngờ.

Thí dụ:

“Phía dưới tôi, trên đất nước này, bom rơi đạn nổ khắp nơi. Từ trên cao nhìn xuống, những hố bom to như những chiếc ao nhỏ, hoặc trũng xuống sâu hoắm, hoặc đọng nước tù lên rêu xanh ngắt. Thật chẳng khác gì một khuôn mặt rỗ hoa.” (ĐLD, trang 160)

Đi sâu hơn vào lãnh vực hình thức hay kỹ thuật, tôi còn có được cái thích thú khi thấy Lê Thiệp dùng rất nhiều ngôn ngữ đường phố trong tác phẩm của mình. Tôi không biết có phải vì thế mà các bút ký, truyện ký của Lê Thiệp thường mở ra những từ trường thu hút lớn?

Tôi cũng không biết, có phải nhờ thế mà tác phẩm của ông đã thẩm nhập được vào đời thường? Câu chuyện, tự thân có chung nhịp thở với đám đông? Nên, khoảng cách giữa tác giả và người đọc đã được thu ngắn lại?

Hiển nhiên, đứng trước một tác phẩm văn chương, rất nhiều câu hỏi được cất lên?

Nhưng câu trả lời, theo tôi, không thuộc về nhà phê bình. Nó cũng không thuộc về tác giả.

(Một tác phẩm khi hoàn tất, đã phổ biến, nó độc lập với tác giả. Nó sống/chết theo định mệnh đời riêng của chính nó.) Nói cách khác, nó thuộc về đám đông và thời gian.

Cũng thế, tôi chọn lựa để trích dẫn vài đoạn văn sau đây của tác giả, chỉ như một vài ghi nhận phản ánh những suy tưởng của Lê Thiệp về cuộc chiến. Chúng không mang tính khẳng định nào thay cho tác giả và độc giả:

“Ít ra chiến tranh không phải là chuyện cà rồn mà là chính mạng sống của con người.” (ĐLD)

Hoặc:

“...Trung Úy Dũng trận mạc đầy người, huy chương Việt Mỹ cả vốc, dân chơi thứ thiệt nay đang đứng trong xó tối và đang bị một phụ nữ, có lẽ là vợ của một người lính tử trận, nhìn bằng con mắt ái ngại.” (ĐLD, Tr. 162-163)

Nếu là một người khác, tôi nghĩ, họ sẽ không dùng cụm từ “chuyện cà rồn” khi nói về chiến tranh... Hoặc “trận mạc đầy người,” “huy chương cả vốc,” “dân chơi thứ thiệt” khi mô tả nhân vật của mình.

(Ghi nhận này, tôi cũng đã viết xuống ở phần cuối bài viết kỳ trước, rằng đó chính là những từ ngữ trực tiếp, bổ bã như một “đặc sản” ngôn ngữ của một giai đoạn, một hoàn cảnh xã hội, có vị trí “đắc địa” trong thể văn ký sự, phóng sự với ít nhiều trào phúng, hay tự trào.)

Cuốn truyện ký mới nhất của Lê Thiệp, còn cho tôi thấy cái bút pháp khá đặc biệt của ông, khi những chương truyện của ông đi theo một dòng chảy khá nhất quán; Nhưng chúng vẫn tựa những những hòn đảo trong một quần đảo. Chúng có thịt xương, hơi thở riêng... Mà vẫn tương tác nhau, vì cùng chung một bầu trời, một khí hậu và một thủy lưu bất khả chia cắt.

Đọc những bút ký của Lê Thiệp, dù ngắn hay dài, tôi luôn thấy khả năng (hay tài năng?) nhập vai, đồng hóa mình với nhân vật, sự kiện, nơi chốn hiện hữu trong tác phẩm của ông.

Tôi không biết có phải vì tự căn bản, ông vốn yêu nhân vật, những gì ông chọn để mô tả; hay nhân vật, sự kiện, nơi chốn... chỉ là cái cớ, để ông nói được điều muốn nói?

Khi cố tình viết nghiêng hai chữ “cái cớ,” tôi muốn nhấn mạnh rằng, điều này, cũng là một trong những chỉ dấu sự khác biệt giữa nhà văn và ký giả.

Nói rõ hơn, đối với một ký giả thì, nhân vật, sự kiện... chỉ là những nhân vật, sự kiện làm thành tâm bão của một bản tin hay một ký sự.

Nhưng với nhà văn, cũng là nhân vật, cũng với sự kiện... khi được chọn để đem vào văn chương, chúng chỉ là cái cớ, để nhà văn nói một điều gì khác, ẩn tàng sau lưng nhân vật, bên kia sự kiện...

Trở lại với tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng,” tôi nghĩ, nhân vật Đỗ Lệnh Dũng chỉ là cái cớ để tác giả, Lê Thiệp phản ánh những dẫn vật, những khắc khoải dày xéo tâm thức ông xuyên suốt cuộc chiến và, cảnh tình Việt Nam hai mươi năm tao loạn.

Đọc hết cuốn truyện, tôi không thấy Lê Thiệp bắt nhân vật Đỗ Lệnh Dũng (đại diện cho người lính miền Nam Việt Nam) của ông phải đóng vai người hùng Robot, hay một thứ siêu nhân/Superman!

Ngược lại, ông cũng không thú vật hóa người lính miền Bắc bằng những hình ảnh như xẻo tai, moi gan, nuốt mật kẻ thù... như một vài tác giả miền Bắc đã mô tả người lính miền Nam trong truyện của họ!

Cả hai cực này, tôi nghĩ, đều nằm ngoài tư duy của một Lê Thiệp, nhà văn.

Tuy nhiên, tôi cho cách gì khi viết văn, Lê Thiệp viết từ ký ức tập thể, hay ký ức đám đông, theo cách nói Carl Jung (2). Bởi một điều dễ hiểu, ông là một phần tử ở trong và thuộc về đám đông đó.

Tôi muốn nói, đám đông thanh niên miền Nam .

Đám đông ấy ra sao, thế nào trong ghi nhận của Lê Thiệp?

Đám đông thanh niên miền Nam có chung một mẫu số là: Không ai trong họ, ở miền Nam Việt Nam, bị nhồi sọ, bị tuyên truyền từ tấm bé rằng phải căm thù, phải tận diệt những người cộng sản miền Bắc.

Hầu hết thanh niên ở thế hệ Lê Thiệp, đã nhập ngũ một cách tự nhiên, giống như một bồn phận khi đất nước cần đến.

Tôi cho Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng (hóa thân của nhà văn Lê Thiệp) đã rất lương thiện khi ghi lại như sau:

“Tôi là sĩ quan - Trung Úy Dũng - nhưng suốt bao nhiêu năm trong quân ngũ, chưa bao giờ tôi để tâm tới khía cạnh vẫn thường được nói tới như lý tưởng bảo vệ tự do, như chiến tranh ý thức hệ, như tiền đồn của thế giới...”

“Tôi bị động viên thì đi. Được huấn luyện thành sĩ quan. Giáo dục của gia đình và học đường khiến tôi thấy những bồn phận đó là đương nhiên. Chưa bao giờ tôi đặt câu hỏi với tôi về ý nghĩa cuộc chiến cả.” (ĐLD, trang 53)

Lại nữa, vẫn qua nhân vật Đỗ Lệnh Dũng (hay hóa thân của nhà văn Lê Thiệp) còn phản ánh bản chất nhân từ của người Việt Nam.

Tính nhân bản, tình đồng đội của nhân vật Đỗ Lệnh Dũng hay, của hầu hết người lính miền Nam Việt Nam đã được Lê Thiệp ghi nhận một cách cụ thể, tới ngậm ngùi như sau:

“...Có lần chúng tôi bắt được hai tù binh từ Bắc xâm nhập. Họ trẻ quá, hiền lành quá như những cậu học trò trung học. Tôi có thể làm tình làm tội họ, hoặc nữa là bắn họ. Tôi đã rùng mình trong suy nghĩ rằng mình có quyền định đoạt cái chết của người khác.” (ĐLD, Trang 144)

Ở một đoạn khác, khi tả lại cuộc băng rừng, vượt suối của mẹ con thuộc một sắc tộc thiểu số, từ ấp Chợ Mới tới chi khu Đồng Xoài thuộc tiểu khu Phước Long, chỉ để trả lại cho Trung Úy Dũng một gói bắp, vốn là kết quả lao động, trồng tỉa của chính ông; nhà văn Lê Thiệp viết:

“Tôi tiễn mẹ con Gái về lại núi rừng của họ, lòng chùng xuống, nghĩ giá mọi người cùng đối xử với nhau như hai mẹ con Gái, chắc tôi không phải căm sùng đánh nhau với ai cả.” (ĐLD, Tr. 176)

Vẫn được hướng dẫn bởi căn bản tình người, ngòi bút của nhà văn Lê Thiệp, qua chuyện kể của người tù cải tạo Đỗ Lệnh Dũng về phản ứng rất người của một người lính miền Bắc, ông viết:

“...Không ngờ một sĩ quan trẻ tốt nghiệp Võ Bị Đà Lạt lại thuộc và hát vọng cổ hay như vậy. Những người lính ngồi chồm hỏm phía ngoài đôi khi nổi hứng quăng thuốc lá cho tụi tôi, và có lần một người xông vào giữa đám tù vừa đi vừa chia bao thuốc lá quăn queo mời. Anh ta nghênh ngang vừa đi vừa nói:

“-Sợ đéo gì. Kỷ luật thì kỷ luật, ông đéo sợ...” (ĐLD, Tr. 228)

Hoặc nữa:

“Tôi nhớ mãi khi vừa lên xe sắp sửa chạy thì có một người tát tưởi chạy tới, vừa đi vừa nói oang oang:

“-Có anh nào ở tiểu đoàn 9 Dù không?

“Khi biết không có 9 Dù, anh ta toe toét:

“-Mấy bố khiếp lắm, đánh giỏi lắm. Hễ gặp ai ở tiểu đoàn 9 Dù cho thằng này gửi lời thăm. Mấy bố bắn khiếp.

“Một người lính áp tải đến can thiệp thì anh ta văng tục liền:

“-Địt mẹ, làm đéo gì thế. Ông mày đi B đánh nhau với Dù thừa sống thiếu chết, chưa sợ thằng nào đâu.” (ĐLD, Tr. 248-249)

Viết tới đây, tôi tự hỏi, không biết khởi từ những cảm thức nào khiến cho Lê Thiệp chọn lựa, ghi lại phản ứng của một số người lính miền Bắc mà nhân vật Đỗ Lệnh Dũng của ông đã gặp gỡ trong hành trình tù đầy, đọa lạc của mình?

Những ghi nhận tôi ít thấy nơi những tác giả khác, khi viết về những năm tháng chôn vùi tuổi thanh xuân của mình trong những nhà tù của người cộng sản.

Tôi không có dịp hỏi ông và nếu có dịp, nhiều phần tôi cũng sẽ không hỏi. Vì, điều đáng kể đôi với tôi là tính chất điềm tĩnh trong cõi giới văn chương Lê Thiệp.

Thiếu điềm tĩnh, tôi nghĩ, nhà văn sẽ bị những xung động tình cảm cuốn, xô ngòi bút mình lậm sâu phần đất chủ quan, bắt cập... Trường hợp đó, nhà văn sẽ không ghi nhận được những chi tiết nhỏ, nhưng cần thiết, để tác phẩm có chiều sâu với những nhận xét tinh tế, khiến người đọc được cơ hội buồn/vui phần ất hay hạnh phúc... Nói cách khác với tôi, Lê Thiệp, qua tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng” đã làm chủ được ngòi bút của mình.

(2 tháng 6, 2010)

Chú thích:

(1): Đó là mấy chữ “who, when, where, why, what” và “how.”

(2): Carl Jung (1875-1961) nhà phân tâm học người Thụy Sĩ.

Cuộc họp mặt của Việt Tân Xã Lê Thụy

Cuộc họp mặt qui mô đầu tiên của các phóng viên, phiên dịch viên, nhân viên của Việt Tân Xã (VTX) sau ngày mất miền Nam Việt Nam hồi tháng Tư 1975, và nhân dịp này cũng để mừng thượng thọ cụu Tổng Thư Ký VTX Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, đã diễn ra trong bầu không khí đầy cảm động tại San Jose, California, hôm 3 Tháng Sáu vừa qua.

Tuy nhiều cụu phóng viên, phiên dịch viên, nhân viên VTX, cơ quan thông tấn chính thức của Việt Nam Cộng Hòa, đã không thể đến San Jose, tham dự được cuộc họp mặt này, nhưng tính ra cũng đã có đến gần 20 người có mặt, hầu hết đều đã ngoài tuổi 60 hay hơn nữa, và tóc đều đã bạc trắng, trong khi có nhiều người còn ở trong nước, đã gọi điện thoại sang “góp tiếng-chung vui” trong cuộc họp mặt, trong đó có các cụu phóng viên Trần Trọng Thức, Trần Thị Duyên, Trương Lộc...

Mặc dù có nhiều thành viên Việt Tân Xã, đến từ xa, từ các tiểu bang khác nhau của Hoa Kỳ, hay cả từ ngoại quốc (như cụu phóng viên Nguyễn Ninh Quang Anh Tử đến từ London, Anh Quốc hay cụu phóng viên Trần Công Sung đến từ Paris, Pháp...) đã có mặt đến hai, ba ngày trước cuộc họp mặt, để có thì giờ hàn huyên, tâm sự với nhau, sau mấy chục năm xa cách, nhưng cuộc họp mặt chính thức mới diễn ra vào buổi tối 3 Tháng Sáu tại một nhà hàng của San Jose, với sự chung vui của đông đảo các cụu sinh viên báo chí của Giáo sư Nguyễn Viết Khánh tại Viện Đại Học Vạn Hạnh, mà nay đã có nhiều người thành công ở trong các lãnh vực khác nhau, cũng muốn mừng thượng thọ thầy, như các anh Khổng Trọng Hình, Nguyễn Hồng Đức. Trong số các cụu thành viên VTX có mặt, có các cụu phóng viên như Nguyễn Quang Dũng, Huỳnh Văn Hiếu, Phạm Hoàng Thúc, Phan Thanh Tâm, Nguyễn Trần Anh, Song Thị, Tăng Hoàng Vy, Lê Phú Nhuận, Trần Công Sung, Nguyễn Ninh Quang Anh Tử... hay các cụu phiên dịch viên, như Lê Gia Thụy, Vũ Giáng Tuyết, Trần Nhạc Sư... nhân viên thuộc phòng đánh máy như Phạm Thị Mận, Minh Phú... cùng một số thân hữu xa gần khác.

Nhiều cựu nhân viên Việt Tấn Xã ở xa không đến tham dự được cuộc họp mặt, cũng đã gọi điện thoại đến chúc cho cuộc họp mặt được thành công và chúc mừng cựu Tổng Thư Ký Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, như các ông Nguyễn Ngọc Bích, Trần Văn Ngô, Lê Thiệp, Lê Hùng, Trần Thị Bạch Liên...

Trong cuộc họp mặt này, cựu Tổng Thư Ký Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh đã nhắc lại nhiều kỷ niệm của Việt Tấn Xã trước 1975, như chính cơ quan thông tấn này đã mở được lớp đào tạo phóng viên đầu tiên vào năm 1965, mà trước đó không hề có, do sáng kiến của ông Nguyễn Ngọc Linh, khi từ Hoa Kỳ về, và được làm tổng giám đốc Việt Tấn Xã, và ông muốn rằng cơ quan thông tấn quốc gia này phải đạt các tiêu chuẩn của một hãng thông tấn quốc tế, tức nhanh nhạy, chính xác...Hầu hết các cựu phóng viên trên, đã tốt nghiệp từ lớp báo chí này, và theo ông Khánh “thì chính các anh, em đã làm căn bản và nền tảng cho nền báo chí Việt Nam Cộng Hòa sau đó...”

Vài nét về ông Nguyễn Viết Khánh: Năm nay ông đã 89 tuổi, bắt đầu làm phóng viên chiến trường cho Pháp Tấn Xã (AFP) từ năm 1948, trước khi được gọi về làm phóng viên cho Việt Nam Thông Tấn Xã (gọi tắt là Việt Tấn Xã) của quốc gia Việt Nam, vừa được chính phủ quốc gia Việt Nam thành lập vào năm 1951, với sự tiếp tay của chính phủ Pháp và hãng thông tấn AFP. Năm 1965, được coi là một mốc quan trọng của Việt Tấn Xã, khi ông Nguyễn Ngọc Linh được cử làm tổng giám đốc, và ông đã cử ông Nguyễn Viết Khánh lên làm tổng thư ký, để cải tiến cơ quan thông tấn này. Ông đã về hưu vào năm 1974.

Tuy nhiên khi mất miền Nam, Ông Nguyễn Viết Khánh vẫn bị Cộng Sản bắt đi tù cải tạo chung với các văn nghệ sĩ miền Nam trong nhiều năm liền. Sau khi được thả ra, ông Nguyễn Viết Khánh đã được bảo lãnh sang định cư tại Hoa Kỳ, mà hiện nay ông đang sống ở California.

Đọc sách trong nước về lịch sử báo chí miền Nam 1865-1995 Trùng Dương

Một bữa lục lọi trong Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ tại <http://catalog.loc.gov/>, tôi thấy cuốn “Lịch sử báo chí Sài Gòn-TP. Hồ Chí Minh, 1865-1995”, ghi tên tác giả là Nguyễn Công Khanh, do Nhà Xuất bản Tổng hợp TP-HCM ấn hành năm 2006. Tò mò, tôi nhờ cậu em ở Sài Gòn kiếm cho một cuốn. Cậu em không những gửi cho tôi cuốn sách đó mà còn thêm ba cuốn nữa, hai tập thơ và một cuốn lý luận phê bình văn học tại Miền Nam 1954-1975, để “chị đọc cho biết tình hình sách vở bên nhà”.

Cuốn sách về báo chí Miền Nam, với cái bìa trình bày khá trang nhã và mang một sắc thái hoài cổ, tuy cũng về báo chí Miền Nam từ 1865 đến 1995, cũng một nhà xuất bản và cùng năm, nhưng tựa và tên người biên soạn thì lại khác với cuốn trong văn khố Thư Viện Quốc Hội. Tựa là “Báo chí ở Thành Phố Hồ Chí Minh – 100 Câu Hỏi Đáp Về Gia Định – Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh”, với tên người biên soạn là Trương Ngọc Tường và Nguyễn Ngọc Phan (xin xem hình bìa sách). Tôi đoán cả hai cuốn có lẽ cùng là một, chỉ khác cái tựa, vì không thể nào một nhà xuất bản lại in hai cuốn sách cùng nội dung.

Trong bài này tôi sẽ dùng cuốn sách đang có trong tay, và gọi là “100 Câu Hỏi Đáp Về Báo Chí Miền Nam”, tắt là “100 Câu Hỏi Đáp”, cho tiện.

Báo chí miền Nam 1865-1995

Phải nhận là nhìn qua mục lục liệt kê 100 câu hỏi và đáp, một người muốn tìm hiểu về báo chí Miền Nam từ thời Pháp thuộc đến gần đây, dù chỉ một cách rất tổng quát, sẽ có cảm tưởng mình đến đúng cái “mỏ” hứa hẹn nhiều thông tin thú vị. Mỗi câu hỏi, và cũng là tựa của mỗi bài, độ từ 2 tới 4 trang, như sau: “001/ Xin cho biết về sự ra đời của báo chí ở Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh”; hoặc “002 / Xin cho biết về luật báo chí dưới chế độ thuộc địa”; hoặc “003 / Xin

cho biết về nội dung tờ Gia Định Báo”; hoặc – cái này có vẻ ngờ ngờ — “006 / Vua Tự Đức và các quan nhà Nguyễn xem báo như thế nào?”; hoặc “007 / Báo chí thời Pháp thuộc lấy tin từ nguồn nào?”; hoặc, cái này đặc biệt thú vị đối với tôi, “017 / Xin cho biết về nhà báo nữ nổi tiếng của tờ Lục Tỉnh Tân Văn vào những năm 1930-1934” (trả lời: đó là nữ sĩ Mạnh Mạnh Nguyễn thị Kiêm, mà từ hồi nào tới giờ tôi cứ đinh ninh bà chỉ viết truyện hay thơ, như hầu hết các nữ sĩ cùng thời ở ngoài Bắc). Và câu hỏi/tựa cuối cùng, khá kích thích óc tò mò của tôi, là “100 / Xin cho biết về các trang thông tin điện tử ở thành phố Hồ Chí Minh”.

Có cả những câu hỏi/tựa bài liên quan đến báo chí thời Việt Nam Cộng Hoà trong hai thập niên 1954-1975 — một thiện chí rất đáng ghi nhận của các soạn giả, và có thể là khuynh hướng chung bây giờ ở trong nước. Phải vậy thôi vì chúng ta đang sống ở thế kỷ 21, không thể tiếp tục, như con đà điểu, vùi đầu dưới cát.

Phải nói rằng đây là một lối dàn bài khá thú vị vì đơn giản, ngắn gọn và dễ đọc. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn “100 Câu Hỏi Đáp” ấy có bao nhiêu độ chính xác, bao nhiêu phần không bị ô nhiễm bởi chính trị ý thức hệ và chủ trương văn học chỉ đạo (mà nhiều người ta thích dùng cụm từ “văn dĩ tải đạo”), thì cần xét lại.

Dầu sao, tôi phải ghi nhận ham muốn tìm hiểu về một phần của nền văn học Việt Nam đã bị vùi dập quên lãng trong một môi trường nặng mầu sắc chính trị ý thức hệ lâu nay ở trong nước, đó là văn học Miền Nam nói chung, và bộ môn báo chí của Miền Nam, đặc biệt của thời điểm 1954-1975, nói riêng. Từ ham muốn tìm hiểu dẫn tới những nỗ lực rất đáng khích lệ, mà điển hình là cuốn “100 Câu Hỏi Đáp” này. Tôi chỉ muốn nêu ra một số sai sót mà tôi biết được, để độc giả lưu ý và tùy nghi lượng định khi đọc những bài khác trong cuốn sách.

Những sai sót trong phần đề cập tới tờ Sóng Thần

Trong bài này, vì không sẵn tài liệu và vì sự hạn chế của một bài điểm sách, tôi sẽ chỉ đề cập tới một tờ báo mà tôi biết rõ nhất vì đã sống và thở với nó trong suốt bốn năm, 1971-1975, cũng như đã nhìn nó tắt thở ngay trước mắt mình, đó là tờ Sóng Thần. Tôi cũng không định, và cũng không thể làm một việc bất công, dùng đó như một thước đo sự chính xác của nội dung của 99 câu hỏi-đáp còn lại trong cuốn “100 Câu Hỏi Đáp”. Việc đó, như đã nói ở trên, để độc giả tùy nghi lượng xét lấy, tùy theo trình độ hiểu biết và thông minh của mình. Tôi thấy có nhu cầu phải lên tiếng, một phần, vì cuốn sách đã nằm trong văn khố của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ.

Tờ Sóng Thần được đề cập tới trong câu hỏi-đáp số 078, trang 286-287, tựa là “Xin cho biết về tờ Sóng Thần”, và qua hai trang bài thấy đầy rẫy những sai lầm. Khi tôi scan lại và gửi hai trang đó đi cho vài người bạn, họ hỏi tôi có phải đó là một cố ý. Tôi thẳng thắn đáp là tôi không tin như vậy, mà chỉ có cảm tưởng là người soạn có thể thiếu tài liệu và hiểu biết, có nhiều phần đoán mò, viết đại (xin xem hình hai trang hỏi-đáp về tờ Sóng Thần). Tôi viết bài này cũng là để cung cấp một số dữ kiện về tờ báo, để những nhà viết về báo chí Việt Miền Nam trong tương lai và muốn đề cập tới tờ Sóng Thần có được tài liệu từ nguồn chính, một người trong cuộc.

Tờ Sóng Thần ra đời vào một ngày (tôi không nhớ ngày) vào tháng 10, năm 1971, và bị rút giấy phép vào tháng 2, năm 1975. Microfilm của những số báo Sóng Thần (trừ những số báo bị tịch thu không ra được tới sạp bán) hiện được lưu trữ tại thư viện Kroch Library Asia thuộc Đại học Cornell, Ithaca, N.Y. Bộ phim gồm bảy cuộn, mang số 5004, gồm 1971: Oct.-Dec., 1972-1974, 1975: Jan.-Feb.

Khởi thủy Sóng Thần là cơ quan ngôn luận của nhóm chống tham nhũng Hà Thúc Nhơn (tên một đại úy y sĩ đã bị sát hại vào năm 1970 trong khi đơn thương độc mã chống tham nhũng trong chính quyền Nha Trang). Nhóm này gồm Bác sĩ Phạm Văn Lương, Giáo sư Nguyễn Liệu, Hà Thế Ruyệt, Phan Nhựt Thức, Uyên Thao, Lý Đại Nguyên và một số người khác tôi không nhớ hết tên, và những người vì lý do riêng, không muốn công khai. Sau vì nhu cầu chuyên nghiệp, tờ báo tách ra đứng riêng, mặc dù vẫn theo chủ trương chống tham nhũng trong chính quyền và quân đội. Hồi ấy, tham nhũng ở Miền Nam chỉ bằng một phần nhỏ, so với bây giờ, và cũng chẳng lãnh đạo nào dám ngang nhiên tặng đảo, đất hay cho ngoại bang thuê mỏ, thuê

rừng để bỏ túi riêng, như bây giờ. Và cũng không có lãnh đạo nào dám bênh vực tham nhũng, cho rằng tham nhũng ở Việt Nam còn thua xa vài quốc gia khác, như mới đây, ở Việt Nam. Sóng Thần được hình thành là do đóng góp tiền bạc dưới hình thức mua cổ phần của các cổ đông và độc giả. Tờ báo có trụ sở đặt tại 133 đường Võ Tánh, Saigon (không phải ở miền Trung như ghi trong cuốn *Báo chí TP. Hồ Chí Minh*). Tờ báo do tôi đứng tên làm chủ nhiệm, và nhà văn-nhà báo Chu Tử làm chủ biên. Sóng Thần chống tham nhũng ngay từ lúc đầu, chứ không phải mãi tới cuối năm 1974, như ghi trong bài “Xin cho biết về tờ Sóng Thần”. Tuy vậy, Sóng Thần chống tham nhũng, không chống chế độ hay chính phủ, như một số báo chí ngoại quốc hồi ấy xếp loại là “anti-government”. Ngoài ra là thông tin, bình luận thời cuộc, xã hội, và giải trí (mà việc đăng tải những truyện feuilleton là một).

Báo có anh Nguyễn Đức Nhuận lo trị sự, một người rất tận tụy, không những đối với tờ báo, mà còn với gia đình của anh chị em tòa soạn. Phát hành thì có Sáu Cao (tôi không nhớ trọn tên họ của anh, anh chị em quen gọi anh là Cao vì anh ... rất cao và gầy, người miền Nam, năng nổ, bộc trực). Tôi vẫn nhớ hình ảnh anh Sáu ngồi kiểng nước lạt (tức ngồi xổm, theo lối diển tả của người Bắc), bút rút, khốn khổ, buồn so, mỗi khi nghe tin báo bị tịch thu vì một lý do nào đó, và anh không có báo để phát hành.

Phần tòa soạn thì anh Uyên Thao điều hành, với tư cách tổng thư ký, và anh Trương Cam Vĩnh làm phụ tá. Phụ trách về trình bày và dàn trang, lo in ấn có các họa sĩ Đăng Giao, Huy Tường, và Vị Ý. Hồi ấy, chúng tôi đưa báo đi nhà in mượn người ta in, nhưng có riêng một dàn sắp chữ với khoảng một tá thợ, cậu nào cậu nấy lúc nào cũng mình trần vì phòng sắp chữ vốn là một cái gác lửng trần thấp nên rất nóng, và lem luốc vì mực. Phòng sắp chữ nằm phía sau tòa soạn, do xếp typo Tấn, một thanh niên gốc miền Nam, rất tận tụy, trông coi. Giờ nhìn lại tôi không khỏi xấu hổ mà nhìn nhận là trong số thợ sắp chữ đó có một số em chỉ mới trên dưới 10 tuổi, đủ biết đánh vắn để có thể sắp chữ, bỏ học đi làm để kiếm sống giúp gia đình. Tôi cũng còn nhớ cảnh Tấn giục bài, “để mấy đứa nhỏ có bài sắp chữ”, có lần đứng bên cạnh bàn làm việc của tôi với cái thước kẻ, hễ thấy viết được khoảng nửa trang, cậu ta kê thước kẻ vào trang giấy xé cái rẹt, đem phần giấy có chữ xuống nhà sắp chữ, mặc tôi ngẩn ngơ như con gà vừa bị cắt đầu. Sau kinh nghiệm đó, tôi thường viết bài ở nhà, nếu bữa nào chậm bài cho Tấn.

Thành phần biên tập, bình luận và nhiếp ảnh khá đông, nòng cốt gồm có Vũ Ánh, Đỗ Ngọc Yến, Lý Đại Nguyên, Đường Thiên Lý, Lê Thiệp, Dương Phục, Nguyễn Tiến Sơn, Lê thị Bích Vân, Anh Điền, Nguyễn Tân Dân, Chóc Nguyễn Hải Chí, Hùng Phong, Nguyễn Tuyền, Thục Viên, Triều Giang, Chu Vi Thủy, Vũ Ngọc Long, vv. Bên cạnh đó là một hệ thống các văn phòng đại diện ở các tỉnh, đặc biệt là Đà Nẵng, Huế và Quảng Trị, với Nguyễn Kinh Châu, Nguyễn Quý, Ngy Thanh, Đoàn Kế Tường và nhiều anh em khác. Cộng tác viên thì càng đông hơn. Thường xuyên lui tới tòa soạn tôi nhớ nhất có các anh Trần Phong Vũ và Vũ Đức Vinh, cả hai hồi ấy làm đài phát thanh Sài Gòn, với anh Vinh là tổng giám đốc. Về sau này, sau khi nhật báo Đuốc Nhà Nam của ký giả lão thành Trần Tấn Quốc tự ý đóng cửa để phản đối luật báo chí mới 007/1972 đòi mỗi nhật báo phải ký quỹ 20 triệu đồng, Sóng Thần (tồn tại nhờ vay tiền ký quỹ, và số tiền này còn nằm ở Ngân Hàng Quốc Gia khi biến cố 30 tháng 4, 1975 xảy ra) mời được bình bút Ngọa Long về cho có màu sắc người Miền Nam vì đa số thành phần biên tập là những người gốc miền Bắc di cư năm 1954. Khác với lời ghi trong cuốn “100 Câu Hỏi Đáp” là cả ba nhà báo kỳ cựu gốc miền Nam Trần Tấn Quốc, Nam Đình và Ngọa Long “cùng sang cộng tác với Sóng Thần”, thực tế chỉ có một mình ông Ngọa Long bằng lòng về hợp tác thôi.

Riêng về các nhà văn nhận lời viết feuilleton cho Sóng Thần thì khởi thủy gồm có Nguyễn Vũ, Cung Tích Biền, Nguyễn Thụy Long, Vũ Ngọc Đĩnh, Hoàng Hải Thủy, vv. Sau thêm một số khác nữa trong đó tôi nhớ hơn cả, vì là do chính tôi mời, mà lại mời viết hồi ký chứ không phải tiểu thuyết, để in song song, một phần cũng là nhằm lôi cuốn người đọc, đó là hai nhà văn nữ Túy Hồng và Nguyễn Thị Thụy Vũ. Tôi đã dự tính sau hai nhà văn này thì sẽ mời Nhã Ca và Nguyễn Thị Hoàng viết hồi ký song song như thế, nhưng chưa kịp, không nhớ vì lý do gì. Cả bốn chị đều là những nhà văn có nhiều sách truyện đã xuất bản và được nhiều người biết tới

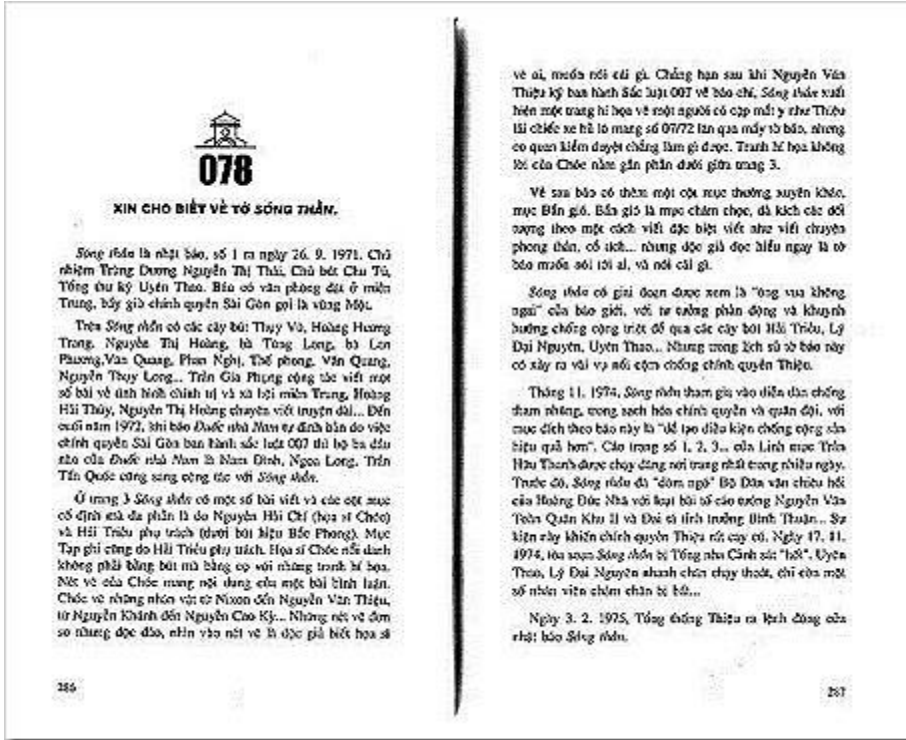
và đọc, khác với tôi, một người viết truyện “xuân thu nhị kỳ”, như chủ bút Văn đạo ấy, Trần Phong Giao, đặt cho tôi, có thể vì tôi luôn có những sở thích khác lối cuốn mình, không chỉ mình văn chương. Những người viết feuilleton cho báo hàng ngày là cộng tác viên, không nằm trong thành phần biên tập.

Ngoài công việc thông tin, nhật báo Sóng Thần còn tham gia vào hoặc tài trợ cho một số những sinh hoạt giáo dục (như hỗ trợ cho chương trình gây quỹ học bổng cho trường Quảng Ngãi Nghĩa Thục dạy học miễn phí cho vài trăm em học sinh trung học nghèo ở Quảng Ngãi, do Nguyễn Liệu và trên 100 giáo sư trung học ở Quảng Ngãi đảm trách); xã hội hoặc nhân đạo (như chương trình xây nhà giúp người nghèo, hoặc gây quỹ và phát động chiến dịch hốt xác và chôn cất gần 2,000 nạn nhân chiến cuộc trên Đại lộ Kinh Hoàng trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972); hoặc văn nghệ (như lập nhà xuất bản Nhân Chủ, hỗ trợ gánh hát cải lương Bạch Tuyết-Hùng Cường, thực hiện phim “Yêu”, do Đỗ Tiến Đức đạo diễn, dựa vào cuốn tiểu thuyết cùng tên của Chu Tử).

Cái ưu điểm của Sóng Thần, và lý do tờ báo lôi cuốn được nhiều người tham gia, hỗ trợ, đó là, ngoài chủ trương chống tham nhũng làm sạch hậu phương để hỗ trợ tiền tuyến chống Cộng đảng bảo vệ một Miền Nam tự do, còn do chỗ này: đó là tờ báo do nhiều người làm chủ, với tư cách cổ đông góp phần hùn vốn, và niềm tin của họ đặt vào hoài bão của nhóm chủ trương, cũng là ước vọng của họ. Tôi chỉ là người đứng tên trên giấy phép xuất bản và chịu trách nhiệm đối với chính quyền, trong đó có những màn đi hầu tòa mỗi khi báo bị tịch thu. Tôi còn nhớ mỗi lần tôi mặc áo dài đến tòa soạn, thế nào cũng có người hỏi: “Bữa nay bà đi hầu tòa hả?” Vì tôi ít khi mặc áo dài, mà thường mặc âu phục để đi xe đạp cho đỡ vướng. Nói tóm lại, không có các anh chị em khác đã cộng tác với Sóng Thần và sự tin tưởng vào lý tưởng của tờ báo từ các cổ đông và độc giả, chắc chắn đã không có tờ Sóng Thần. (TD, 5/2010)



Bìa cuốn “Báo chí ở Thành phố Hồ Chí Minh” (NXB Văn Hoá Saigon, 2006) (Ảnh Trùng Dương)



Trang hỏi-đáp về tờ Sóng Thần (Ảnh Trưng Dương)



Vài số báo và hình ảnh Sóng Thần trong vụ án Sóng Thần ngày 31 tháng 10, 1974. Tờ báo bị Bộ Nội Vụ của chính phủ Nguyễn Văn Thiệu đưa ra toà xử về tội đã đăng nguyên văn bản cáo trạng số 1 của Phong Trào Nhân Dân Chống Tham Nhũng do Linh Mục Trần Hữu Thanh chủ xướng với sự tham gia của 300 linh mục. Tổng cộng có 205 luật sư tình nguyện ra toà biện hộ cho Sóng Thần và quyền tự do báo chí. (Collage TD2008, rút từ cuốn "Sóng Thần – Vụ Án Lịch

Sử 31-10-74: *Ngày Báo Chí và Công Lý Thọ Nạn*”, tài liệu nội bộ, do Uyên Thao và Lê Thiệp soạn, 1974)